**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ MỚI**

**VÀ THÔNG TƯ SỐ 04/2016/TT-NHNN**

| **STT** | **Thông tư số 04/2016/TT-NHNN** | **Dự thảo Thông tư** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Căn cứ pháp lý**  Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;  Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;  Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;  Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; | **Căn cứ pháp lý**  Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*  *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*  Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;  *Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;*  *Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;* | - Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.  - Luật chứng khoán số 70/2016/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 được thay thế bằng Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.  - Nghị định 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011.  - Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 được thay thế bởi Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 và hiện Nghị định 16/2017/NĐ-CP đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung. |
| 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.  2. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc NHNN (sau đây gọi tắt là thành viên). | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.  2. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (sau đây gọi tắt là thành viên). | Thông tư số 16/2019/TT-NHNN ngày 22/10/2019 quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, Khoản 2 Điều 10 cho phép Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mua Tín phiếu NHNN từ tổ chức tín dụng trên cơ sở thỏa thuận giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và tổ chức tín dụng.  Quyết định 2620/QĐ-NHNN ngày 24/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được phép mở tài khoản lưu ký GTCG tại NHNN. |
| 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  1. Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**   1. Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác. *Giấy tờ có giá bao gồm: giấy tờ có giá loại ghi sổ (dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử) và giấy tờ có giá loại chứng chỉ.* | Bổ sung thêm quy định về các hình thức GTCG để thuận tiện trong xử lý các nghiệp vụ liên quan đến GTCG; và phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan (Khoản 5 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 2 Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký và bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán). |
| 4 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  8. Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký là tài khoản Ngân hàng Nhà nước mở để theo dõi lưu ký giấy tờ có giá của thành viên.Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký gồm Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước và Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng lưu ký trên Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSD.  Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước là tài khoản Ngân hàng Nhà nước mở theo yêu cầu của thành viên để lưu ký giấy tờ có giá trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.  Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng lưu ký trên Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSD là tài khoản VSD mở theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để lưu ký giấy tờ có giá của thành viên tại VSD. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  8. Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký là tài khoản Ngân hàng Nhà nước mở để theo dõi lưu ký giấy tờ có giá của thành viên.Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký gồm Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước và Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng lưu ký trên Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSDC.  Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước là tài khoản Ngân hàng Nhà nước mở theo yêu cầu của thành viên để lưu ký giấy tờ có giá trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.  Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng lưu ký trên Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSDC là tài khoản VSDC mở theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để lưu ký giấy tờ có giá của thành viên tại VSDC. | Sử dụng thống nhất các cụm từ trong toàn bộ thông tư. |
| 5 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  9. Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố là tài khoản nội bộ của Ngân hàng Nhà nước mở cho thành viên để hạch toán giấy tờ có giá theo đề nghị cầm cố, ký quỹ của thành viên khi tham gia một số nghiệp vụ thị trường tiền tệ. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  9. Tài khoản giấy tờ có giá **lưu ký cho mục đích** cầm cố là tài khoản nội bộ của Ngân hàng Nhà nước mở cho thành viên để **quản lý** giấy tờ có giá theo đề nghị cầm cố, ký quỹ của thành viên khi tham gia một số nghiệp vụ thị trường tiền tệ. | Để phù hợp với quy định tại Thông tư 19/2015/TT-NHNN ngày 22/10/2015 về hệ thống tài khoản kế toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| 6 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  (chưa có quy định thời điểm “cut off time”). | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  11. Thời điểm “cut off time” là thời điểm Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng thực hiện các nghiệp vụ lưu ký, chuyển khoản, phong tỏa, giải tỏa giấy tờ có giá để thực hiện đối chiếu và chốt số liệu trong ngày. Thời điểm “cut off time” được quy định là 15h30 hàng ngày làm việc, sau thời điểm này các nghiệp vụ được tự động chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian giao dịch của ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với thành viên để thống nhất thời điểm “cut off time” của ngày làm việc đó. | Bổ sung quy định thời điểm “cut off time” để quy định cụ thể hơn về thời hạn xử lý các nghiệp vụ liên quan của Ngân hàng Nhà nước. |
| 6 | **Điều 4. Điều kiện, mệnh giá và mã giấy tờ có giá được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  1. Các loại giấy tờ có giá bao gồm:  a) Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;  b) Trái phiếu Chính phủ;  c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn;  d) Các loại giấy tờ có giá khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ. | **Điều 4. Điều kiện, mệnh giá và mã giấy tờ có giá được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  1. Các loại giấy tờ có giá bao gồm:  a) Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;  b) Trái phiếu Chính phủ;  c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn;  *d) Trái phiếu Chính quyền địa phương được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ;*  *đ) Trái phiếu đặc biệt, trái phiếu phát hành trực tiếp cho tổ chức tín dụng bán nợ để mua nợ xấu theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là VAMC);*  *e) Trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ các ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc);*  *g) Trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm e Khoản này) và doanh nghiệp khác;*  h) Các loại giấy tờ có giá khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ. | - Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định trái phiếu đặc biệt, trái phiếu được phát hành theo giá thị trường được phát hành và lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước.  - Thông tư 08/2021/TT-NHNN ngày 06/7/2021 quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Điều 12 Khoản 1 quy định các giấy tờ có giá đảm bảo cho khoản vay đặc biệt có bao gồm:  + Trái phiếu chính quyền địa phương;  + Trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ các ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc);  + Trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12) và doanh nghiệp khác.  Ngoài ra, Quyết định 1668/QĐ-NHNN ngày 22/10/2021 đã bổ sung 2 loại trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư 08/2021/TT-NHNN vào danh mục lưu ký tại NHNN để cầm cố cho các khoản vay đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng được kiếm soát đặc biệt. |
| 8 | **Điều 4. Điều kiện, mệnh giá và mã giấy tờ có giá được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  4. Mã giấy tờ có giá  Giấy tờ có giá lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước được thống nhất quản lý theo hệ thống mã định danh chứng khoán quốc tế (ISIN) đã cấp khi phát hành. | **Điều 4. Điều kiện, mệnh giá và mã giấy tờ có giá được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  4. Mã giấy tờ có giá  Giấy tờ có giá lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước được quản lý theo hệ thống mã do VSDC và Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) quy định. Ngân hàng Nhà nước sẽ quản lý giấy tờ có giá thống nhất theo hệ thống mã định danh chứng khoán quốc tế (ISIN) khi cần thiết. | Hiện nay, tại các báo cáo về lưu ký GTCG tại Sở Giao dịch NHNN hiện thị 3 loại mã GTCG: mã tại Sở Giao dịch, mã tại VSDC và mã ISIN. Sở Giao dịch đang thực hiện việc quản lý giấy tờ có giá trên các chứng từ hạch toán theo 02 loại mã: mã tại Sở Giao dịch và mã tại VSDC. Khi cần thiết, Sở Giao dịch sẽ thực hiện việc quản lý giấy tờ có giá theo hệ thống mã định danh chứng khoán quốc tế (ISIN). |
| 9 | **Điều 5. Sử dụng giấy tờ có giá lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  1. Giấy tờ có giá được sử dụng trong nghiệp vụ thị trường tiền tệ gồm:  a) Nghiệp vụ thị trường mở;  b) Nghiệp vụ tái cấp vốn:  - Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Các hình thức tái cấp vốn khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.  c) Cầm cố giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng;  d) Ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng. | **Điều 5. Sử dụng giấy tờ có giá lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước**  1. Giấy tờ có giá được sử dụng trong nghiệp vụ thị trường tiền tệ gồm:  a) Nghiệp vụ thị trường mở;  b) Nghiệp vụ tái cấp vốn:  - Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  - Các hình thức tái cấp vốn khác do *Ngân hàng Nhà nước quy định và thực hiện.*  c) Cầm cố giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng;  d) Cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng;  *đ) Cầm cố, ký quỹ* *giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thanh toán tập trung;*  *e) Cầm cố, ký quỹ* *giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức bù trừ điện tử qua Hệ thống bù trừ điện tử;*  *g) Cầm cố, ký quỹ* *giấy tờ có giá để thực hiện các nghiệp vụ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.* | - Theo Quyết định 615/QĐ-NHNN ngày 23/3/2007 về việc cho phép mở rộng mô hình thanh toán tập trung một tài khoản, Công văn 127/BTT2 ngày 27/3/2007 về việc hướng dẫn thanh toán tập trung đối với các đơn vị được triển khai theo QĐ số 615/QĐ-NHNN ngày 23/3/2007, Sở Giao dịch có trách nhiệm nhận cầm cố GTCG cho hoạt động thanh toán tập trung của các ngân hàng thương mại.  - Thực hiện Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, từ tháng 04/2020, nghiệp vụ ký quỹ GTCG cho hạn mức bù trừ điện tử qua Napas bắt đầu phát sinh tại Sở Giao dịch. |
| 10 | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  1. Hồ sơ mở tài khoản  Để lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này (gọi tắt là tổ chức) lập và gửi Ngân hàng Nhà nước 01 (một) bộ hồ sơ gồm:  a) Giấy đề nghị mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 1a/LK đính kèm Thông tư này;  b) Bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký theo Phụ lục 1b/LK đính kèm Thông tư này;  c) Các giấy tờ chứng minh việc tổ chức mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá thành lập và hoạt động hợp pháp như: Quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật;  d) Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đại diện của chủ tài khoản kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;  đ) Trường hợp tổ chức mở tài khoản lưu ký thuộc đối tượng bắt buộc phải có chữ ký kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán trên chứng từ kế toán giao dịch với ngân hàng theo quy định của pháp luật thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, hồ sơ mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá phải có quyết định bổ nhiệm kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) của tổ chức mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá. | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  1. Hồ sơ mở tài khoản  Để lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước, các **thành viên** quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này lập và gửi Ngân hàng Nhà nước 01(một) bộ hồ sơ gồm:  a) Giấy đề nghị mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 1a/LK đính kèm Thông tư này **(03 bản)**;  b) Bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký **sử dụng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá** **tại Ngân hàng Nhà nước** theo Phụ lục 1b/LK đính kèm Thông tư này **(03 bản)**;  c) Các giấy tờ chứng minh việc **thành viên** mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá thành lập và hoạt động hợp pháp **gồm**: **Điều lệ**, Quyết định thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật;  d) Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đại diện hợp pháp của thành viên mở tài khoản *(Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận chức danh dự kiến của Tổng Giám đốc, quyết định bổ nhiệm…)* kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;  *đ) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước;*  *e) Trường hợp người đại diện hợp pháp, kế toán trưởng ủy quyền cho người khác, thành viên mở tài khoản lưu ký phải cung cấp quyết định bổ nhiệm, giấy ủy quyền công việc (Phụ lục 07/LK) kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người được ủy quyền. Đối với giấy ủy quyền công việc của người được kế toán trưởng ủy quyền phải có chữ ký xác nhận của người đại diện của chủ tài khoản.* | - Khoản 2 Điều 2 Chương I đã có quy định gọi tắt các tổ chức này là “thành viên”. Cụm từ này sẽ sử dụng trong toàn bộ văn bản.  - Quy định rõ số bản Giấy đề nghị mở tài khoản lưu ký GTCG và Bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký để có hướng dẫn cụ thể hơn cho tổ chức tín dụng (gồm 01 bản lưu tại hồ sơ tài khoản, 01 bản do thanh toán viên lưu để đối chiếu khi xử lý nghiệp vụ và 01 bản trả khách hàng).  - Quy định rõ các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đại diện của chủ tài khoản để thuận tiện cho khách hàng và phù hợp với quy định tại Thông tư 23/2014/TT-NHNN. |
| 11 | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  2. Các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này là bản chính, các giấy tờ quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều này là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  2. Các giấy tờ quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này là bản chính và do người đại diện hợp pháp của thành viên mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá ký tên; Các giấy tờ quy định tại Điểm c, d, đ**, e** Khoản 1 Điều này là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. *Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định của pháp luật.* | - Đảm bảo được quy định cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ hơn. Trên thực tế, đối với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc ngân hàng TNHH một thành viên nước ngoài sẽ có một số giấy tờ pháp lý bằng tiếng nước ngoài như hộ chiếu, quyết định bổ nhiệm… |
| 12 | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá cho thành viên. | **Điều 6. Mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá hợp lệ của thành viên, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá và thông báo cho thành viên biết số tài khoản và ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản lưu ký giấy tờ có giá; Trường hợp hồ sơ mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thông báo cho thành viên biết để hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp từ chối mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thông báo lý do cho thành viên biết. | - Đảm bảo được quy định cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ hơn để phù hợp với các quy định tại Quyết định 2412/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, theo quy định tại Tiết d Khoản 1 Điều 12 Quy chế, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa phải có phản hồi về việc tiếp nhận hồ sơ, vì vậy đơn vị cần có thêm thời gian, cụ thể là 03 ngày để thực hiện xong thủ tục mở tài khoản cho khách hàng nếu hồ sơ hợp lệ. |
| 13 | (Thông tư 04/2016/TT-NHNN chưa có quy định về trường hợp thành viên lưu ký thay đổi thông tin tài khoản lưu ký) | **Điều 7. Thay đổi thông tin tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  1. Khi có thay đổi thông tin tài khoản lưu ký giấy tờ có giá của thành viên liên quan đến các hồ sơ quy định tại Điều 6, trong thời gian 15 ngày làm việc, thành viên phải thông báo và gửi hồ sơ, giấy tờ pháp lý liên quan cho Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch), gồm:  a) Thông báo thay đổi thông tin về tài khoản lưu ký giấy tờ có giá mở tại Ngân hàng Nhà nuớc theo Phụ lục 1c/LK đính kèm thông tư này (03 bản);  b) Bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký sử dụng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 1b/LK đính kèm Thông tư này (03 bản);  c) Các giấy tờ liên quan đến thông tin thay đổi tài khoản áp dụng như Khoản c, d, đ, e Khoản 1 Điều 6.  2. Các giấy tờ quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này là bản chính và do người đại diện hợp pháp của thành viên mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá ký tên. Các giấy tờ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định của pháp luật. | Trên thực tế, khi thành viên được mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN, sau một thời gian hoạt động, một số thành viên có sự thay đổi, bổ sung về mẫu chữ ký và/ hoặc thay đổi mẫu con dấu hoặc thay đổi địa điểm trụ sở, cũng như các giấy tờ pháp lý bị hết hạn. Tuy nhiên, Thông tư 04/2016/TT-NHNN chưa có quy định cụ thể đối với nội dung này. |
| 14 | **Điều 7. Lưu ký giấy tờ có giá**  1. Đối với giấy tờ có giá ghi sổ lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước  a) Trường hợp thành viên thực hiện lưu ký giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá đang được quản lý tại Ngân hàng Nhà nước:  Thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 2/LK đính kèm Thông tư này và chứng từ liên quan. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá của thành viên, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) chuyển giấy tờ có giá vào Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước; | **Điều 8. Lưu ký giấy tờ có giá**  1. Đối với giấy tờ có giá ghi sổ lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước  a) Trường hợp thành viên thực hiện lưu ký giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá đang được quản lý tại Ngân hàng Nhà nước:  Thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 2a/LK đính kèm Thông tư này và chứng từ liên quan **(nếu có)**. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá của thành viên, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) chuyển giấy tờ có giá vào Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước; | Thống nhất sử dụng các cụm từ trong thông tư. |
|  | **Điều 7. Lưu ký giấy tờ có giá**  **3. Đối với giấy tờ có giá loại chứng chỉ**  Thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền) Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 2/LK đính kèm Thông tư này và toàn bộ giấy tờ có giá loại chứng chỉ. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ủy quyền) tiếp nhận, kiểm đếm và kiểm tra giấy tờ có giá loại chứng chỉ. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kiểm xong giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) làm thủ tục chuyển giấy tờ có giá vào Tài khoảngiấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 8. Lưu ký giấy tờ có giá**  **3. Đối với giấy tờ có giá loại chứng chỉ**  Thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố được ủy quyền) Giấy đề nghị lưu ký giấy tờ có giá theo Phụ lục 2a/LK đính kèm Thông tư này và toàn bộ giấy tờ có giá loại chứng chỉ.  Trường hợp thành viên nộp giấy tờ có giá loại chứng chỉ tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch), trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tiếp nhận, kiểm đếm và kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) làm thủ tục lưu ký giấy tờ có giá vào Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.  Trường hợp thành viên nộp giấy tờ có giá loại chứng chỉ tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố được ủy quyền, sau khi tiếp nhận, kiểm đếm và kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ có giá loại chứng chỉ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố được ủy quyền giao trả giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch). Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kiểm xong giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) làm thủ tục lưu ký giấy tờ có giá vào Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. | Quy định cụ thể để dễ dàng tham chiếu khi thực hiện. |
| 15 | **Điều 8. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  1. Đối với giấy tờ có giá lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trong ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc:  a) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước là bên mua hoặc là bên nhận giấy tờ có giá khi xử lý tài sản bảo đảm, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước hoặc Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước;  b) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước là bên bán, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước;  c) Trường hợp xử lý tài sản cầm cố trong giao dịch cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên trên thị trường liên ngân hàng, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá cho mục đích cấp tín dụng trên thị trường liên ngân hàng của bên cầm cố sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước của bên nhận cầm cố. | **Điều 9. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  1. Đối với giấy tờ có giá lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trong ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc:  a) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước là bên mua hoặc là bên nhận giấy tờ có giá khi xử lý tài sản bảo đảm, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước hoặc Tài khoản giấy tờ có giá **lưu ký cho mục đích cầm cố** của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước;  b) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước là bên bán, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước;  c) Trường hợp xử lý tài sản cầm cố trong giao dịch cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên trên thị trường liên ngân hàng, giấy tờ có giá được chuyển từ Tài khoản giấy tờ có giá lưu ký cho mục đích cấp tín dụng trên thị trường liên ngân hàng của bên cầm cố sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký **trực tiếp** tại Ngân hàng Nhà nước của bên nhận cầm cố. | Thống nhất sử dụng các cụm từ trong thông tư. |
| 16 | **Điều 8. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  3. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Hợp đồng mua bán hoặc Thông báo kết quả đấu thầu trong các nghiệp vụ thị trường tiền tệ theo ủy quyền của thành viên. Đối với các nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá, tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt và trái phiếu mua nợ theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và mua bán giấy tờ có giá giữa các thành viên, việc chuyển quyền giấy tờ có giá thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14, 15, 16, 17 Thông tư này. | **Điều 9. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  3. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Hợp đồng mua bán hoặc Thông báo kết quả đấu thầu trong các nghiệp vụ thị trường tiền tệ theo ủy quyền của thành viên. Đối với các nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá, *các hình thức tái cấp vốn khác trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá* và mua bán giấy tờ có giá giữa các thành viên, việc chuyển quyền giấy tờ có giá thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18 Thông tư này. | Quy định theo hướng áp dụng chung cho loại hình tái cấp vốn trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá. Vì nguyên tắc thực hiện nghiệp vụ cầm cố giấy tờ có giá đối với các hình thức tái cấp vốn trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá là tương tự nhau. |
| 17 | **Điều 8. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  4. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và thu hồi Giấy phép các tổ chức tín dụng theo yêu cầu của thành viên là chủ sở hữu giấy tờ có giá trên cơ sở Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm Thông tư này và các giấy tờ liên quan. | **Điều 9. Nguyên tắc chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá**  4. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trong trường hợp tách hoặc sáp nhập tổ chức tín dụng theo yêu cầu của thành viên là chủ sở hữu giấy tờ có giá trên cơ sở Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm Thông tư này kèm theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc tách hoặc sáp nhập tổ chức tín dụng, nghị quyết/quyết định của tổ chức tín dụng về việc tách hoặc sáp nhập và các giấy tờ liên quan (nếu có).  Tổ chức tín dụng bị chia, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản phải thực hiện rút giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 12 Thông tư này trước khi chấm dứt tồn tại. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm thông tư này kèm theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc chia, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản tổ chức tín dụng; nghị quyết/quyết định của tổ chức tín dụng về việc chia, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản và các giấy tờ liên quan (nếu có). | Bổ sung quy định cụ thể hơn về các trường hợp TCTD bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản để thuận lợi cho thành viên và SGD trong thực hiện chuyền quyền sở hữu giấy tờ có giá. |
| 18 | **Điều 9. Thanh toán gốc và lãi giấy tờ có giá**  2. Đối với giấy tờ có giá lưu ký tại Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSD  a) Khi đến hạn thanh toán lãi giấy tờ có giá loại thanh toán lãi định kỳ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) kiểm tra việc hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên đối với Ngân hàng Nhà nước trong các nghiệp vụ sử dụng giấy tờ có giá liên quan. Trường hợp thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) gửi cho VSD thông báo xác nhận danh sách thành viên sở hữu giấy tờ có giá trong Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước để VSD làm thủ tục thanh toán lãi cho thành viên. Trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này;  3. Lãi và các khoản thu nhập khác (nếu có) từ giấy tờ có giá trong thời gian chuyển quyền sở hữu từ bên bán sang bên mua trong các nghiệp vụ có kỳ hạn trên thị trường tiền tệ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.  4. Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tạm phong tỏa hoặc giữ lại gốc, lãi giấy tờ có giá hiện đang sử dụng cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng nghiệp vụ. | **Điều 10. Thanh toán gốc và lãi giấy tờ có giá**  2. Đối với giấy tờ có giá lưu ký tại Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSDC  a) Khi đến hạn thanh toán lãi giấy tờ có giá loại thanh toán lãi định kỳ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) kiểm tra việc hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên đối với Ngân hàng Nhà nước trong các nghiệp vụ sử dụng giấy tờ có giá liên quan. Trường hợp thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) gửi cho VSDC thông báo xác nhận danh sách thành viên sở hữu giấy tờ có giá trong Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước **tại VSDC** để VSDC làm thủ tục thanh toán lãi cho thành viên. Trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này;  3. Lãi và các khoản thu nhập khác (nếu có) từ giấy tờ có giá trong thời gian chuyển quyền sở hữu từ bên bán sang bên mua trong các nghiệp vụ có kỳ hạn trên thị trường tiền tệ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.  4. Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) **không giải tỏa** hoặc giữ lại gốc, lãi giấy tờ có giá hiện đang sử dụng cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng nghiệp vụ. | Thống nhất sử dụng các cụm từ trong thông tư. |
| 19 | **Điều 10. Rút giấy tờ có giá**  3. Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tạm phong tỏa giấy tờ có giá hiện đang sử dụng cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng nghiệp vụ. | **Điều 11. Rút giấy tờ có giá**  3. Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) **không giải tỏa** giấy tờ có giá hiện đang sử dụng cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng nghiệp vụ. | Thống nhất sử dụng các cụm từ trong thông tư. |
| 20 | **Điều 11. Đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  3. Trường hợp thành viên bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và thu hồi Giấy phép không làm thủ tục đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) đóng tài khoản sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và thu hồi Giấy phép (nếu tài khoản không còn số dư) hoặc phong tỏa tài khoản (nếu tài khoản còn số dư) và thông báo cho thành viên. Việc xử lý giấy tờ có giá lưu ký trên tài khoản thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan. | **Điều 12. Đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá**  3. Trường hợp thành viên bị chia, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản không làm thủ tục đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) đóng tài khoản của thành viên sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chia, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản (nếu tài khoản không còn số dư).  *4. Trường hợp thành viên có tài khoản lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) nhưng có số dư tài khoản bằng 0 liên tục từ 24 tháng trở lên và không làm thủ tục đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) xem xét thực hiện đóng tài khoản và thông báo cho thành viên. Khi thành viên có nhu cầu lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch), thành viên thực hiện mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.* | - Do việc thanh lý tài sản của TCTD không thuộc nhiệm vụ của Sở Giao dịch.  - Thực tế, một số thành viên có số dư tài khoản lưu ký GTCG bằng 0 và không phát sinh giao dịch từ năm 2015 cho đến nay như: Ngân hàng OCBC, JP Morgan Chase, Natexis, First Commercial Bank. |
| 21 | **Điều 12. Nghiệp vụ thị trường mở**  1. Ngân hàng Nhà nước mua hẳn hoặc mua kỳ hạn giấy tờ có giá  Căn cứ hợp đồng mua bán giấy tờ có giá đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua kỳ hạn hoặc Thông báo kết quả đấu thầu đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua hẳn, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thanh toán tiền mua giấy tờ có giá và thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với giấy tờ có giá trúng thầu.  Đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua kỳ hạn giấy tờ có giá, vào ngày đáo hạn hợp đồng, thành viên phải thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá. Căn cứ chứng từ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên. | **Điều 13. Nghiệp vụ thị trường mở**  1. Ngân hàng Nhà nước mua hẳn hoặc mua kỳ hạn giấy tờ có giá  Căn cứ hợp đồng mua bán giấy tờ có giá đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua kỳ hạn hoặc Thông báo kết quả đấu thầu đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua hẳn, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thanh toán tiền mua giấy tờ có giá và thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với giấy tờ có giá trúng thầu.  Đối với giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua kỳ hạn giấy tờ có giá, vào ngày đáo hạn hợp đồng, thành viên phải thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá. **Sau khi nhận được đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá từ thành viên**, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên. | Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của thành viên. |
| 22 | **Điều 14. Nghiệp vụ cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt và trái phiếu mua nợ theo giá trị thị trường của (VAMC)**  1. Sau khi thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị vay vốn bằng cầm cố giấy tờ có giá hoặc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, trái phiếu mua nợ theo giá thị trường của VAMC và Ngân hàng Nhà nước chấp nhận đề nghị của thành viên, thành viên chuyển giao các giấy tờ có giá làm tài sản cầm cố hoặc trái phiếu đặc biệt, trái phiếu mua nợ theo giá trị thị trường của VAMC cho Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện phong tỏa và chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước, đồng thời chuyển số tiền cho vay vào tài khoản tiền gửi của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước.  2. Trường hợp thành viên có nhu cầu đổi giấy tờ có giá (trong nghiệp vụ cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá) hoặc sau khi thành viên hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi, căn cứ vào đề nghị hoàn trả hoặc đổi giấy tờ có giá của thành viên và chứng từ thanh toán, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện giải tỏa và chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 15. Các nghiệp vụ tái cấp vốn trên cơ sở bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá**  1. Sau khi thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị vay vốn dưới hình thức tái cấp vốn trên cơ sở bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá và Ngân hàng Nhà nước chấp nhận đề nghị của thành viên, thành viên chuyển giao các giấy tờ có giá làm tài sản cầm cố cho Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá lưu ký cho mục đích cầm cố của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước.  *- Trường hợp giải ngân tại Sở Giao dịch: Sau khi hoàn tất việc cầm cố giấy tờ có giá, Sở Giao dịch thực hiện chuyển số tiền cho vay vào tài khoản tiền gửi của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước.*  *- Trường hợp giải ngân tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Sau khi hoàn tất việc cầm cố giấy tờ có giá, Sở Giao dịch thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi thực hiện giải ngân khoản vay.*  *2. Trường hợp thành viên có nhu cầu đổi giấy tờ có giá, căn cứ vào Giấy đề nghị đổi giấy tờ có giá (Phụ lục 2b/LK), Ngân hàng Nhà nuớc (Sở Giao dịch) thực hiện kiểm tra và hạch toán theo quy định bảo đảm nguyên tắc giải tỏa tài sản bảo đảm sau khi đã hoàn thành việc bổ sung tài sản bảo đảm mới.*  *3. Trường hợp thành viên hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi, căn cứ vào đề nghị hoàn trả của thành viên và chứng từ thanh toán, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện giải tỏa và chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên tại Ngân hàng Nhà nước.* | Quy định theo hướng áp dụng chung cho loại hình tái cấp vốn trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá. Vì nguyên tắc thực hiện nghiệp vụ cầm cố giấy tờ có giá đối với các hình thức tái cấp vốn trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá là tương tự nhau. |
| 23 | **Điều 15. Cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm, hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng**  1. Sau khi nhận được đề nghị của thành viên về việc cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi, hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện phong tỏa, chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng Nhà nước giải tỏa giấy tờ có giá cầm cố của thành viên trong trường hợp giấy tờ có giá cầm cố của thành viên đến hạn thanh toán hoặc thành viên dùng giấy tờ có giá khác để thay thế hoặc khi thành viên không còn nhu cầu duy trì hạn mức thấu chi, hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước thực hiện giải tỏa một phần hoặc toàn bộ giấy tờ có giá cầm cố theo đề nghị của thành viên và chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá cầm cố sang Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên.  3. Để giải tỏa giấy tờ có giá cầm cố, thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) đề nghị hoàn trả giấy tờ có giá cầm cố. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) kiểm tra việc hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên đối với Ngân hàng Nhà nước trên hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Trường hợp thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tiến hành các thủ tục hoàn trả giấy tờ có giá cho thành viên.  4. Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước trên hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tạm phong tỏa giấy tờ có giá hiện đang sử dụng cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định cụ thể của của Ngân hàng Nhà nước trong nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm, hạn mức nợ ròng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng. | **Điều 16. Cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm, hạn mức nợ ròng, hạn mức thanh toán tập trung, hạn mức bù trừ điện tử**  1. Sau khi nhận được đề nghị của thành viên về việc cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá (Phụ lục 2c/LK) để thiết lập hạn mức thấu chi, hạn mức nợ ròng, hạn mức thanh toán tập trung, hạn mức bù trừ điện tử, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ và thực hiện chuyển giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên sang tài khoản giấy tờ có giá lưu ký cho mục đích cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước.  2. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) giải tỏa giấy tờ có giá cầm cố, ký quỹ của thành viên trong trường hợp giấy tờ có giá cầm cố, ký quỹ của thành viên đến hạn thanh toán hoặc thành viên dùng giấy tờ có giá khác để thay thế hoặc khi thành viên có nhu cầu giảm hoặc không còn nhu cầu duy trì hạn mức thấu chi, hạn mức nợ ròng, hạn mức thanh toán tập trung, hạn mức bù trừ điện tử. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện giải tỏa một phần hoặc toàn bộ giấy tờ có giá cầm cố, ký quỹ theo đề nghị của thành viên và chuyển giấy tờ có giá từ tài khoản giấy tờ có giá lưu ký cho mục đích cầm cố sang tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của thành viên.  3. Để giải tỏa giấy tờ có giá cầm cố, ký quỹ, thành viên gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) đề nghị đổi giấy tờ có giá (Phụ lục 2b/LK) hoặc đề nghị giải tỏa giấy tờ có giá cầm cố, ký quỹ (Phụ lục 2d/LK). Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) kiểm tra việc hoàn thành các nghĩa vụ của thành viên đối với Ngân hàng Nhà nước trong các nghiệp vụ liên quan. Trường hợp thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tiến hành các thủ tục giải tỏa giấy tờ có giá cho thành viên.  Trường hợp thành viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) không giải tỏa giấy tờ có giá hiện đang cầm cố, ký quỹ cho các nghĩa vụ này. Việc xử lý đối với các thành viên chưa hoàn thành nghĩa vụ được thực hiện theo quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước trong nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ giấy tờ có giá để thiết lập hạn mức thấu chi và cho vay qua đêm, hạn mức nợ ròng, hạn mức thanh toán tập trung, hạn mức bù trừ điện tử. | - Theo Quyết định 615/QĐ-NHNN ngày 23/3/2007 về việc cho phép mở rộng mô hình thanh toán tập trung một tài khoản, Công văn 127/BTT2 ngày 27/3/2007 về việc hướng dẫn thanh toán tập trung đối với các đơn vị được triển khai theo QĐ số 615/QĐ-NHNN ngày 23/3/2007, Sở Giao dịch có trách nhiệm nhận cầm cố GTCG cho hoạt động thanh toán tập trung của các ngân hàng thương mại.  - Thực hiện Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, từ tháng 04/2020, nghiệp vụ ký quỹ GTCG cho hạn mức bù trừ điện tử qua Napas bắt đầu phát sinh tại Sở Giao dịch. |
| 24 | **Điều 16. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên**  1. Giấy tờ có giá sử dụng trong giao dịch cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên phải là các giấy tờ có giá chưa được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong các hoạt động nghiệp vụ tại Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 17. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên**  1. Giấy tờ có giá sử dụng trong giao dịch cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên phải là các giấy tờ có giá chưa được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong các hoạt động nghiệp vụ tại Ngân hàng Nhà nước. *Các loại giấy tờ có giá này phải đang được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả trực tiếp lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước hoặc lưu ký tại Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại VSDC.* | Để đảm bảo phù hợp các quy định về GTCG sử dụng trong các giao dịch tại NHNN. |
| 25 | **Điều 16. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên**  6. Trường hợp bên cầm cố không thể hoàn trả đúng thời hạn toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khoản vay cho bên nhận cầm cố, Ngân hàng Nhà nước thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên cầm cố sang bên nhận cầm cố theo yêu cầu bằng văn bản của bên nhận cầm cố có xác nhận của bên cầm cố (chủ sở hữu giấy tờ có giá) và biên bản xử lý nợ giữa hai bên. Trường hợp bên cầm cố không thực hiện nghĩa vụ và không xác nhận về việc sử dụng tài sản đảm bảo thay cho nghĩa vụ trả nợ thì việc xử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. | **Điều 17. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá giữa các thành viên**  Trường hợp bên cầm cố không thể hoàn trả đúng thời hạn toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khoản vay cho bên nhận cầm cố, *trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc*, Ngân hàng Nhà nước thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên cầm cố sang bên nhận cầm cố theo yêu cầu bằng văn bản của bên nhận cầm cố *mà không cần có xác nhận của bên cầm cố (chủ sở hữu giấy tờ có giá) nếu hai bên đã có thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố. Trường hợp bên cầm cố và bên nhận cầm cố không có thỏa thuận về thủ tục chuyển quyền ở hữu giấy tờ có giá từ bên cầm cố sang bên nhận cầm cố trong Hợp đồng cầm cố*, Ngân hàng Nhà nước chỉ thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên cầm cố sang bên nhận cầm cố theo yêu cầu bằng văn bản của bên nhận cầm cố có xác nhận của bên cầm cố (chủ sở hữu giấy tờ có giá) và biên bản xử lý nợ giữa hai bên. Trường hợp bên cầm cố không thực hiện nghĩa vụ và không xác nhận về việc sử dụng tài sản bảo đảm thay cho nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Nhà nước không giải tỏa giấy tờ có giá và việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật. | Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý tài sản cầm cố giữa các thành viên, do Hợp đồng cầm cố giữa bên cầm cố và bên nhận cầm cố thường thỏa thuận ủy quyền không hủy ngang cho Bên nhận cầm cố được toàn quyền xử lý tài sản cầm cố khi bên cầm cố vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà không cần bất cứ thủ tục nào từ bên cầm cố. |
| 26 | **Điều 17. Mua, bán giấy tờ có giá giữa các thành viên**  1. Đối với giấy tờ có giá lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước  a) Thành viên được mua bán giấy tờ có giá đang lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Thành viên bán giấy tờ có giá gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm Thông tư này và hợp đồng mua bán giấy tờ có giá giữa hai bên. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của bên bán sang bên mua. Giấy tờ có giá được tiếp tục lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước trừ khi bên mua có yêu cầu khác; | **Điều 18. Mua, bán giấy tờ có giá giữa các thành viên**  1. Đối với giấy tờ có giá lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước  a) Thành viên được mua bán giấy tờ có giá đang lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Thành viên bán giấy tờ có giá gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm Thông tư này và hợp đồng mua bán giấy tờ có giá giữa hai bên *(bản chính). Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc,* Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ Tài khoản giấy tờ có giá khách hàng gửi lưu ký của bên bán sang bên mua. Giấy tờ có giá được tiếp tục lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước trừ khi bên mua có yêu cầu khác;  b) Trường hợp mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, thành viên bán kỳ hạn gửi Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) Đơn đề nghị chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo Phụ lục 5/LK đính kèm Thông tư này và hợp đồng mua bán giấy tờ có giá giữa hai bên *(bản chính). Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc,* Ngân hàng Nhà nước thực hiện chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên bán kỳ hạn sang bên mua kỳ hạn. | Bổ sung thêm quy định cụ thể về hồ sơ đối với thành viên và thời hạn xử lý của Ngân hàng Nhà nước. |
| 27 | **Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**  1. Sở Giao dịch  a) Thực hiện lưu ký, thanh toán, thu lãi, thu phí lưu ký, hạch toán, cầm cố, phong tỏa và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định;  b) Theo dõi, xem xét và phân quyền giao dịch cho các nhân sự của thành viên tham gia nghiệp vụ lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước;  …  4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng  Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý vi phạm đối với thành viên trong thực hiện các quy định tại Thông tư này. | **Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**  1. Sở Giao dịch  a) Thực hiện *hạch toán* lưu ký, thanh toán, thu lãi, thu phí lưu ký, cầm cố, *ký quỹ* và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định;  b) Thực hiện phân quyền giao dịch trên hệ thống lưu ký giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước cho các nhân sự của thành viên tham gia nghiệp vụ lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước;  …  4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng  a) Làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý vi phạm đối với thành viên trong thực hiện các quy định tại Thông tư này *theo quy định của pháp luật*.  *b) Phối hợp với Sở Giao dịch thực hiện các trách nhiệm liên quan trong trường hợp tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản.* | - Thống nhất các cụm từ sử dụng trong Thông tư.  - Để chặt chẽ và phù hợp với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.  - Trường hợp tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản, SGD và CQTTGSNH cần phối hợp trong việc xử lý GTCG và đóng tài khoản lưu ký GTCG tại Ngân hàng Nhà nước. |
| 28 | **Điều 19. Trách nhiệm của thành viên**  1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 20. Trách nhiệm của thành viên**  1. Cung cấp và **cập nhật** đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, tài liệu, **hồ sơ** cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước. | Để Sở Giao dịch cập nhật kịp thời những thay đổi thông tin của tài khoản lưu ký. |
| 29 | **Điều 20. Quy định chuyển tiếp**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức đã được công nhận là thành viên theo quy định tại Quyết định 1022/2004/QĐ- NHNN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước thì tiếp tục là thành viên nghiệp vụ lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá theo quy định tại Thông tư này.  2. Các giao dịch đã thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận đã ký giữa các bên liên quan. | **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức đã được công nhận là thành viên theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-NHNN ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước thì tiếp tục là thành viên nghiệp vụ lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá theo quy định tại Thông tư này.  2. Các giao dịch đã thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận đã ký giữa các bên liên quan. | Cập nhật để phù hợp với dự thảo Thông tư. |
| 30 | **Điều 22. Hiệu lực thi hành**  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:  a) Quyết định số 1022/2004/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước;  b) Quyết định số 42/2006/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 1022/2004/QĐ-NHNN ngày 17/8/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | **Điều 22. Hiệu lực thi hành**  2. Kể từ ngày *Thông tư này có hiệu lực, Thông tư số 04/2016/TT-NHNN ngày 15/4/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực thi hành.*  3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) *Bảo hiểm tiền gửi* và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | Chỉnh sửa để phù hợp với nội dung thay đổi tại dự thảo Thông tư. |